

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, BSR

[Cập nhật công ty]

NLG

[Quan điểm đầu tư]

ĐTĐ được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở trong nhịp hồi phục sớm và chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ sâu 1000 (+-15)

27/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,088.06	-0.69
VN30	1,078.42	-0.82
HĐTL VN30F1M	1,076.00	-0.82
HNXIndex	223.89	-0.98
HNX30	468.26	-1.93
UPCoM	84.50	-0.58
USD/VND	24,245	-0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.41	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.17	+5
Dầu (WTI, \$)	74.79	-0.99
Vàng (LME, \$)	2,012.12	+0.56



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,088.06 (-0.69%)
KLGD (triệu CP) 507.2 (-38.0%)
GTGD (triệu US\$) 487.1 (-38.6%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới tác động của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại mua ròng 39.76 tỷ đồng, tập trung tại HPG (-0.4%), VPB (+0.3%), PVD (+1.3%).

HNXIndex 223.89 (-0.98%)
KLGD (triệu CP) 55.3 (-55.3%)
GTGD (triệu US\$) 42.9 (-53.5%)

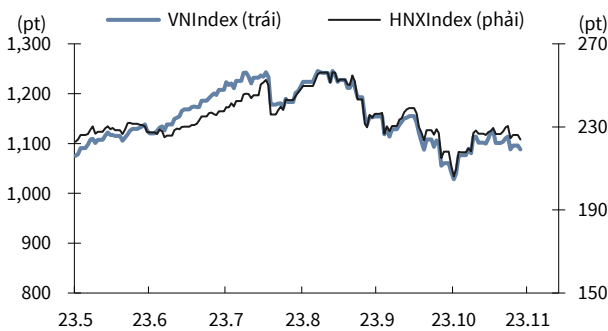
Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Nhà nước, tín dụng đến ngày 21/11 đã tăng 8.09%, dù đã có sự tăng trưởng những vẫn còn cách khá xa so với mục tiêu tăng 14% của cả năm 2023. Cổ phiếu nhóm Ngân hàng giảm giá ở STB (-2.83%), TCB (-2.5%).

UPCoM 84.50 (-0.58%)
KLGD (triệu CP) 21.2 (-61.5%)
GTGD (triệu US\$) 11.3 (-43.0%)

Theo Tổ chức các thành phần có nguồn gốc từ biển (IFFO), sản lượng bột cá toàn cầu trong 9 tháng đầu năm 2023 đã giảm 26% so với cùng kỳ năm ngoái. Cổ phiếu nhóm Thủy hải sản giảm giá ở ANV (-1.33%), VHC (-1.73%).

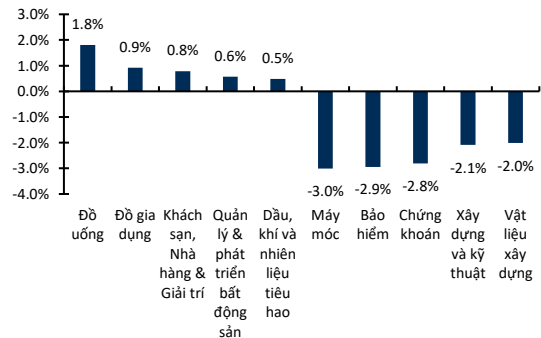
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.0

VNIndex & HNXIndex



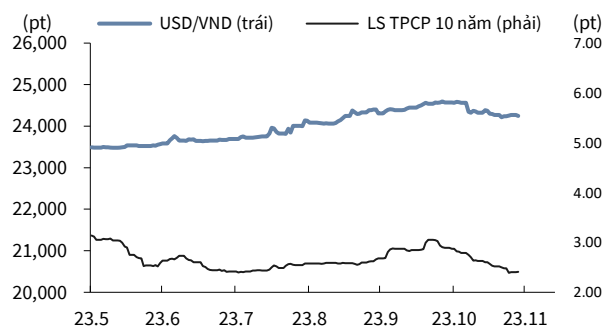
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



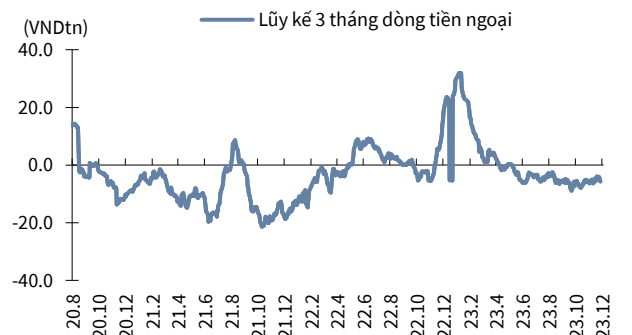
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

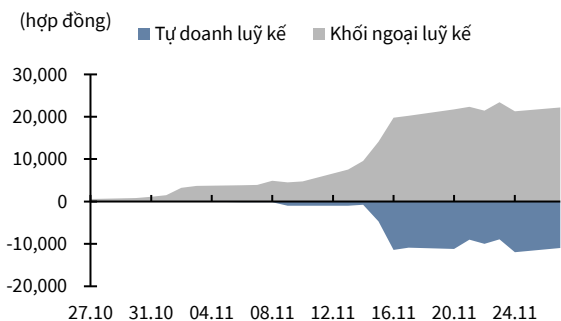
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,078.42 (-0.82%)
VN30F1M	1,076.0 (-0.82%)
Mở cửa	1,084.0
Cao nhất	1,085.0
Thấp nhất	1,076.0
KLGD (HĐ)	212,420 (-36.7%)

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa tại -2.84 điểm, sau đó biến động quanh mức -1 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -2.42 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

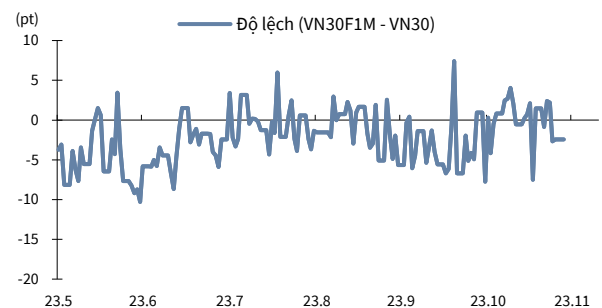
Khối ngoại mua ròng 900 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 22,207 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK mua ròng 974 hợp đồng nhưng đang duy trì vị thế bán lũy kế 10,984 hợp đồng.

Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



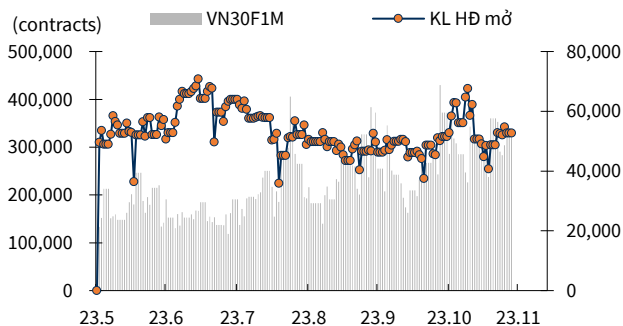
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



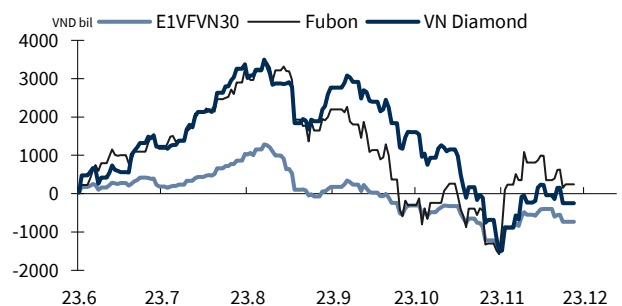
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

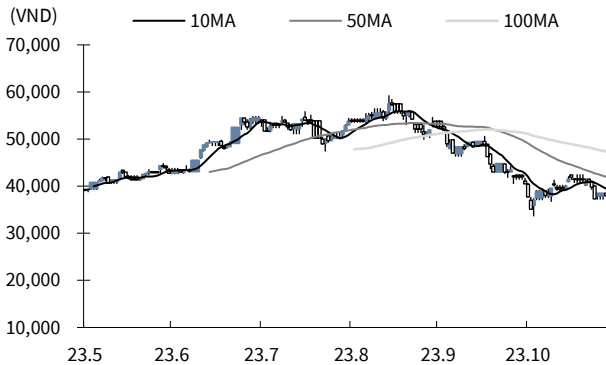
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

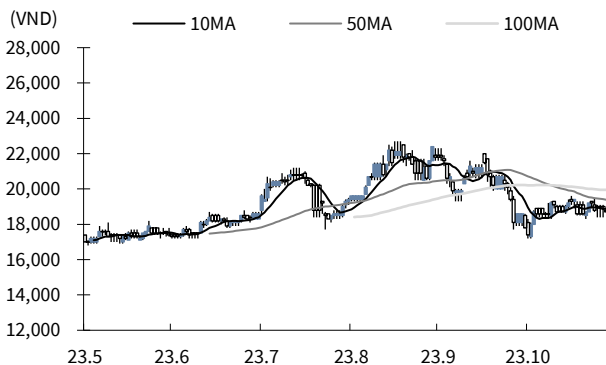
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 1.43% xuống còn 38,000 VND/cp
- CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động đã công bố kết quả kinh doanh tháng 10 với doanh thu là 11,190 tỷ đồng, ghi nhận tháng đầu tiên trong năm tăng trưởng dương. Lũy kế 10 tháng, tổng doanh thu hai chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt 70,200 tỷ đồng, giảm 21% YoY. Riêng tháng 10, tổng doanh thu hai chuỗi này đạt hơn 7,800 tỷ đồng, giảm 5% YoY nhưng tăng 8% so với tháng 9.

CTCP Lọc hóa Dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR tham chiếu tại 18,700 VND/cp
- CTCP Lọc hóa dầu Bình Sơn vừa công bố ước tính kết quả kinh doanh 11 tháng đầu năm 2023 với tổng sản phẩm sản xuất đạt 6.7 triệu tấn, vượt 31% kế hoạch năm. Tổng doanh thu ước đạt 133,400 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước ước đạt 15,163 tỷ đồng. Năm 2023, công ty đặt kế hoạch tổng doanh thu gần 95,645 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 1,628,4 tỷ đồng, giảm lần lượt 43% và gần 89% so với kết quả năm trước. Như vậy sau 11 tháng, BSR đã vượt 39% kế hoạch doanh thu năm.

27/11/2023

Doanh số bán hàng trong quý 3/2023 tiếp tục cải thiện so với các quý trước

Doanh số bán hàng trong Quý 3/2023 duy trì đà hồi phục với tổng giá trị hợp đồng đạt 902 tỷ VND (+43%QoQ, -40%YoY) đến từ các dự án hiện hữu Mizuki Park, Akari City và Southgate. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, tổng giá trị hợp đồng đạt 1,769 tỷ VND, giảm 78% so với mức nền cao của năm 2022. Kết quả này hoàn thành 19% kế hoạch doanh số bán hàng cả năm mà NLG đã đặt ra.

Doanh số ước tính năm 2023 đạt 3,170 tỷ VND (-61%YoY), kỳ vọng doanh số bán hàng năm 2024 hồi phục mạnh mẽ

Chúng tôi dự báo doanh số bán hàng năm 2023 đạt 3,170 tỷ VND (-61%YoY) đến từ các dự án Akari City, Mizuki Park và Southgate. KBSV điều chỉnh giảm doanh số bán hàng 35% so với báo cáo trước do chúng tôi quan sát thấy hoạt động bán hàng trong 9T2023 hồi phục chậm. Chúng tôi kỳ vọng doanh số bán hàng năm 2024 cải thiện rõ rệt hơn đạt 5,439 tỷ VND (+72%YoY).

Dự báo lợi nhuận sau thuế năm 2023 đạt 498 tỷ VND (-10%YoY)

Chúng tôi dự báo lợi nhuận sau thuế của NLG năm 2023 đạt 498 tỷ VND (-10%YoY) từ bàn giao dự án Southgate, Izumi City và đẩy mạnh bàn giao dự án Mizuki Park (giai đoạn 2). Khoản lãi từ thoái vốn 25% dự án Paragon sẽ được ghi nhận sang năm 2024 do chờ hoàn thiện thủ tục cập nhật giấy chứng nhận đầu tư.

Khuyến nghị: MUA - Giá mục tiêu: 42,200VND/cổ phiếu

Chúng tôi duy trì đánh giá tích cực đối với cổ phiếu Nam Long nhờ (1) Nền tảng cơ bản vững chắc với cơ cấu tài chính an toàn và (2) Các dự án căn hộ trung cấp/vừa túi tiền vẫn thu hút được người mua có nhu cầu ở thực. Dựa trên triển vọng kinh doanh và kết quả định giá, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu NLG với giá mục tiêu 42,200VND/cp, cao hơn 15% so với giá đóng cửa ngày 24/11/2023.

MUA thay đổi

Giá mục tiêu	42,200 VND
Tăng/giảm (%)	15%
Giá hiện tại (24/11/2023)	36,900 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	40,700VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	14.2/0.6

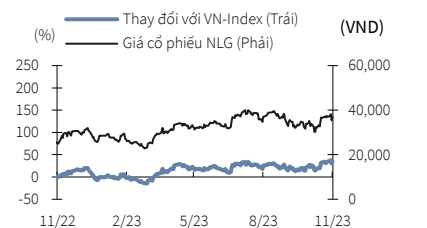
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	56.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	89.9/3.7
Sở hữu nước ngoài (%)	7.2%
Cổ đông lớn	Ông Nguyễn Xuân Quang (12%)

Biến động giá cổ phiếu (%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	8	6	15	48
Tương đối	8	13	12	35

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	5,206	4,339	4,053	4,545
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	1,205	1,041	560	844
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	1,071	556	498	686
EPS (VND)	2,686	1,448	1,297	1,786
Tăng trưởng EPS (%)	-3	-46	-10	38
P/E (x)	9.31	17.26	28.44	20.66
P/B (x)	1.07	1.07	1.50	1.40
ROE (%)	11	4	6	7
Tỷ suất cổ tức (%)	5	1	1	1

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong phiên trước khi dần suy yếu và giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Lực cầu bắt đáy từ chối nhập cuộc giá cao đã khiến cho chỉ số có một phiên điều chỉnh với thanh khoản thấp và trạng thái thị trường đang trở nên có phần tiêu cực hơn. Trong kịch bản VNIndex đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần quanh 107x, rủi ro phá vỡ vùng đáy ngắn hạn cần được tính đến
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng các vị thế đã mở trong nhịp hồi phục sớm và chỉ mở mua trở lại quanh ngưỡng hỗ trợ sâu 1000 (+-15).

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1096 – 1100

Kháng cự gần: 1088 – 1091

Hỗ trợ gần: 1066 – 1070

Hỗ trợ xa: 1047 – 1051

- F1 diễn biến giằng co trong phiên trước khi dần suy yếu và giảm điểm với biên độ mở rộng về cuối phiên.
- Phe bán tiếp tục chiếm ưu thế quanh ngưỡng kháng cự gần 109x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên vượt cản bất thành và trạng thái thị trường đang trở nên có phần tiêu cực hơn. Trong kịch bản F1 đánh mất ngưỡng hỗ trợ gần quanh 107x, rủi ro phá vỡ vùng đáy ngắn hạn cần được tính đến
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

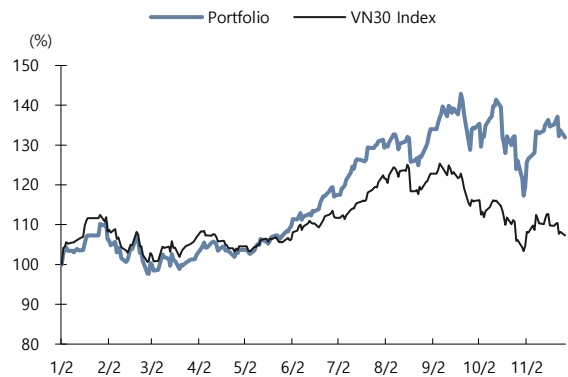
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.82%	-1.35%
Tăng lũy kế (YTD)	7.29%	31.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 27/11/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	31,000	-3.1%	14.2%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	79,500	-1.1%	10.4%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	31,000	-1.1%	-4.0%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	14,650	-2.0%	8.5%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	21,850	-0.9%	1.2%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	23,800	-2.3%	4.2%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	20,650	-1.4%	16.7%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	29,400	-0.7%	7.3%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	90,700	-0.5%	6.2%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,100	-0.3%	-3.3%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.4%	25.1%	72.7
VPB	0.3%	28.4%	32.8
PVD	1.3%	23.2%	32.7
SAB	2.1%	61.7%	24.1
VIC	1.1%	12.6%	20.9

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SSI	-3.1%	44.5%	-47.3
STB	-2.8%	24.2%	-18.2
VND	-3.3%	23.6%	-17.5
GAS	-0.9%	2.8%	-15.6
VHM	1.0%	23.3%	-13.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	0.3%	21.6%	11.3
PVI	0.0%	59.3%	0.9
SHS	-2.3%	14.0%	0.5
MBS	-2.8%	0.6%	0.2
SLS	0.1%	1.0%	0.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TIG	-1.9%	11.9%	-1.5
IDC	-1.8%	1.6%	-1.4
VCS	0.2%	2.8%	-1.0
CEO	-3.6%	4.7%	-0.6
TA9	-1.7%	0.0%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Đồ uống	1.5%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	1.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	1.0%	AST, VNG, DSN, DAH
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	0.4%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hàng không dân dụng	0.4%	VJC, HVN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-7.1%	TCH, HHS, SRF, SHA
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-4.7%	MWG, FRT, CTF, HAX
Bảo hiểm	-4.0%	BVH, MIG, BIC, BMI
Chứng khoán	-2.8%	SSI, VND, HCM, VCI
Bao bì & đóng gói	-2.6%	TDP, SVI, MCP, TPC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	9.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	8.0%	DIG, HDG, VCG, PC1
Cơ sở hạ tầng & vận tải	7.6%	GMD, LGC, CII, HAH
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	4.4%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Phụ tùng oto	4.2%	DRC, CSM, PAC, TNC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-7.2%	AST, VNG, DSN, DAH
Đồ uống	-6.6%	SAB, BHN, SMB, SCD
Dược	-6.5%	DHG, IMP, TRA, DBD
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-6.3%	TNH, JVC, VMD
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-5.7%	PLX, PGC, CNG, GSP

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	205,270 (8.4)	22.5	41.7	-	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	1.2	-2.0	0.6	-22.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	310,983 (12.8)	26.6	4.5	5.3	35.9	22.6	18.8	1.0	0.9	1.8	2.2	1.5	-17.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	122,532 (5.0)	17.8	12.0	11.7	-7.6	12.2	10.6	1.4	1.3	0.0	0.2	-1.3	-14.1
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	523,388 (21.5)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	0.9	0.9	-1.4	7.1	30.5	23.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	48,171 (2.0)	11.6	24.4	22.1	13.7	8.9	10.5	1.8	1.7	-0.3	-0.9	5.7	29.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	406,906 (16.7)	13.9	50.6	41.5	-	2.5	3.1	1.2	1.2	-3.0	-3.7	11.5	52.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	101,426 (4.2)	6.3	15.4	13.0	11.7	21.0	19.4	2.8	2.3	-0.2	-0.3	0.9	26.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	33,623 (1.4)	12.7	11.0	8.8	-5.3	18.7	19.6	1.8	1.5	-1.5	-0.3	2.4	11.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	120,613 (4.9)	0.0	5.6	4.8	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	-2.5	-5.5	-0.8	13.3
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	83,522 (3.4)	1.4	7.7	6.7	50.3	16.2	17.3	1.1	1.0	-0.7	-0.5	4.3	7.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	203,572 (8.4)	0.0	11.7	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	0.0	-1.5	-5.0	7.3
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	152,173 (6.2)	0.0	4.6	3.9	14.6	25.9	25.0	1.0	0.8	-1.4	-2.2	0.9	18.4
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	160,286 (6.6)	4.2	6.0	4.8	23.3	21.2	22.1	1.2	1.0	-1.1	-3.2	4.9	30.5
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	511,981 (21.0)	14.0	7.6	4.7	26.5	17.6	22.5	1.1	0.9	-3.2	-6.2	-4.5	21.8
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	92,330 (3.8)	0.0	6.8	5.9	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	-2.1	-3.2	2.8	10.1
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	165,366 (6.8)	0.2	16.5	10.0	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	-2.1	-0.5	2.8	-7.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,384 (0.5)	21.0	16.0	15.7	15.8	8.6	8.4	1.4	1.3	-1.1	-4.8	-1.6	-16.6
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,702 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	-1.2	-0.5	2.2	8.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	756,399 (31.0)	55.4	22.1	19.8	-3.2	9.1	8.8	2.0	2.0	-3.1	-4.3	5.3	75.1
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	312,133 (12.8)	71.9	34.4	24.8	-4.0	7.9	10.8	2.7	2.7	-3.6	-1.8	13.8	74.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	158,008 (6.5)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	-2.4	-2.2	4.4	43.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	516,379 (21.2)	27.2	18.0	17.7	36.3	9.3	9.3	1.7	1.6	-3.3	-2.8	11.4	52.6
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	153,889 (6.3)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.2	30.5	4.6	4.3	-0.3	-1.7	0.1	-10.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	46,345 (1.9)	36.9	18.3	17.2	7.3	18.8	21.5	3.5	3.7	2.1	2.1	1.9	-22.9
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	114,550 (4.7)	16.5	55.5	28.4	-51.9	3.9	11.7	3.2	2.9	-1.5	-4.2	5.4	-34.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,634 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.0	2.4	6.6	-7.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	96,845 (4.0)	11.0	131.6	30.3	-88.5	2.4	12.2	3.7	3.2	-0.3	0.3	6.2	-3.2
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	77,436 (3.2)	10.8	9.9	18.6	-57.0	29.8	12.7	2.3	2.1	-2.8	-3.7	7.2	47.6
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	173,392 (7.1)	38.4	32.8	21.0	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	-2.4	-2.7	9.3	27.9
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	430,631 (17.7)	37.7	30.0	25.3	-14.4	5.1	8.9	1.4	1.4	-2.8	-3.2	6.5	71.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	131,767 (5.4)	3.6	18.5	16.6	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	-4.0	-4.0	9.5	143.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	20,010 (0.8)	0.0	9.6	8.1	-4.5	13.5	13.8	1.2	1.1	-0.4	-1.6	3.5	-8.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	38,431 (1.6)	46.1	14.7	15.3	-17.5	19.2	18.1	2.7	2.5	-0.9	-1.9	-1.0	-9.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,058 (0.5)	31.4	17.4	12.3	-10.5	9.0	14.6	1.6	1.5	-2.3	-3.4	3.5	-17.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	660 (0.0)	34.1	11.9	6.3	-5.1	7.4	13.1	-	-	1.5	-0.7	6.8	5.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	649,606 (26.7)	18.0	23.9	12.2	21.9	6.4	11.3	1.5	1.4	-0.4	-1.3	12.6	46.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	77,711 (3.2)	36.5	13.7	11.6	-0.5	6.7	9.2	1.0	1.0	-0.5	-0.8	2.4	-24.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	113,447 (4.7)	46.5	15.5	10.5	-4.5	10.5	15.8	1.3	1.3	-2.2	0.2	9.5	17.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	276,959 (11.4)	38.9	15.0	14.7	67.9	7.9	8.7	1.2	1.2	-1.4	-4.8	17.0	84.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	24,827 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-0.4	-3.4	8.1	32.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,273 (1.0)	4.6	14.4	12.5	-51.0	12.9	12.8	1.7	1.6	0.6	0.3	1.8	6.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	135,562 (5.6)	39.9	32.8	13.2	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.0	1.3	2.4	6.0	53.2
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	125,598 (5.2)	35.9	8.7	7.4	2.2	15.6	15.6	1.2	1.1	0.0	1.8	0.0	14.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	457,481 (18.8)	0.0	46.3	15.6	14.4	2.0	9.7	2.3	2.1	-1.4	-6.3	-9.5	-11.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	42,078 (1.7)	0.0	15.2	12.9	2.4	18.9	19.7	2.9	2.4	-1.1	0.6	8.0	-11.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,898 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	6.8	10.6	-7.3	93.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	43,736 (1.8)	30.3	-	27.3	-75.2	-12.4	23.8	6.6	5.4	-2.9	-2.5	6.7	65.0
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	13,295 (0.5)	34.6	14.0	19.1	41.2	15.1	12.0	1.9	1.9	-0.5	-1.9	3.0	17.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,173 (0.0)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	0.8	-0.1	2.1	21.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	205,736 (8.4)	0.0	18.2	14.8	15.5	28.1	29.6	4.7	4.1	-0.5	0.0	4.3	35.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoả phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anh1d@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

